



Thời gian : 18h00 ngày 07/07/2015 - Phòng : 901A \* 182 Nguyễn Văn Linh

| STT | Mã Học Viên | Họ và Tên        |       | Giới Tính | Ngày Sinh  | Lớp    | Số Tên | Ký Tên | Điểm Thi |     | Ghi Chú |
|-----|-------------|------------------|-------|-----------|------------|--------|--------|--------|----------|-----|---------|
|     |             |                  |       |           |            |        |        |        | Số       | Chữ |         |
| 1   | 2031210001  | Cao Xuân         | Anh   | Nam       | 26/03/1987 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 2   | 2030210002  | Nguyễn Thị Ngọc  | Ánh   | Nữ        | 15/09/1987 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 3   | 2031210003  | Nguyễn           | Bùi   | Nam       | 08/09/1975 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 4   | 2031210004  | Nguyễn Đăng Hoài | Chung | Nam       | 15/10/1990 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 5   | 2031210005  | Nguyễn Việt      | Đào   | Nam       | 27/06/1982 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 6   | 2031210006  | Đinh Phú         | Đào   | Nam       | 01/11/1979 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 7   | 2030210007  | Nguyễn Thị       | Đinh  | Nữ        | 01/06/1975 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 8   | 2031210008  | Huỳnh Đức        | Dũng  | Nam       | 01/10/1976 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 9   | 2031210009  | Nguyễn Văn       | Dũng  | Nam       | 12/01/1977 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 10  | 2031210010  | Nguyễn Trọng     | Duy   | Nam       | 17/02/1988 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 11  | 2030210011  | Lê Thị Minh      | Giao  | Nữ        | 25/05/1987 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 12  | 2030210012  | Đỗ Thị Ngọc      | Hà    | Nữ        | 10/03/1980 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 13  | 2030210013  | Trần Thị Châu    | Hà    | Nữ        | 15/04/1980 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 14  | 2030210014  | Nguyễn Thị       | Hùng  | Nữ        | 22/05/1973 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 15  | 2030210015  | Trần Thị Thanh   | Huyền | Nữ        | 30/10/1990 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 16  | 2031210016  | Lê Thị           | Hoàng | Nam       | 12/05/1990 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 17  | 2031210017  | Nguyễn Minh      | Hoàng | Nam       | 20/02/1982 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 18  | 2030210018  | Võ Thị Thu       | Hùng  | Nữ        | 17/09/1984 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 19  | 2031210019  | Nguyễn Hữu       | Hùng  | Nam       | 01/01/1984 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 20  | 2031210020  | Phan Văn         | Hùng  | Nam       | 29/07/1984 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 21  | 2031210021  | Võ Duy           | Hùng  | Nam       | 20/10/1984 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 22  | 2031210022  | Hồ Quang         | Hùng  | Nam       | 14/06/1982 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 23  | 2031210023  | Nguyễn Phước Lê  | Hùng  | Nam       | 10/04/1969 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 24  |             |                  |       |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 25  |             |                  |       |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 26  |             |                  |       |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 27  |             |                  |       |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 28  |             |                  |       |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 29  |             |                  |       |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 30  |             |                  |       |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 31  |             |                  |       |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 32  |             |                  |       |           |            |        |        |        |          |     |         |

Số SV viết: \_\_\_\_\_Định chữ: \_\_\_\_\_Tổng số bài: \_\_\_\_\_Tổng số từ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬPGIÁM THIGIÁM KHẢO 01GIÁM KHẢO 02LÃNH ĐẠO KHOA



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KỶ T THỨC HỌC PHẠM \* LỚP: K10MBA

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÔN: TIẾNG ANH 2 (NGHE ĐỌC VIẾT - VĂN ĐÁP) \* MÃ MÔN: ENG602

SỐ TC : 3

Học kỳ : 2

Thời gian : 18h00 ngày 07/07/2015 - Phòng : 901B \* 182 Nguyễn Văn Linh

Lần thi : 1

| STT | Mã Học Viên | Họ và Tên                 | Giới Tính | Ngày Sinh  | Lớp    | Số Thẻ | Ký Tên | Điểm Thi |     | Ghi Chú |
|-----|-------------|---------------------------|-----------|------------|--------|--------|--------|----------|-----|---------|
|     |             |                           |           |            |        |        |        | Số       | Chữ |         |
| 1   | 2031210024  | Trần Phụng c Hông         | Nam       | 05/08/1989 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 2   | 2030210025  | Nguyễn Thị Thu Hồng ng    | Nữ        | 21/07/1991 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 3   | 2030210026  | Lê Thị Thu Hồng ng        | Nữ        | 16/08/1990 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 4   | 2031210027  | Lưu Quốc c Huy            | Nam       | 13/03/1988 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 5   | 2031210028  | Phạm Ngọc c Lâm           | Nam       | 02/08/1977 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 6   | 2030210029  | Ngô Thị Phụng ng Li       | Nữ        | 03/03/1986 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 7   | 2030210030  | Trần Thị Vân Li           | Nữ        | 28/07/1983 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 8   | 2030210031  | Nguyễn Thị Thuý Liên      | Nữ        | 16/02/1991 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 9   | 2031210032  | Mai Văn Lữ c              | Nam       | 16/02/1981 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 10  | 2031210033  | Nguyễn Tấn Minh           | Nam       | 06/11/1984 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 11  | 2030210034  | Nguyễn Quang Diễm My      | Nữ        | 25/05/1989 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 12  | 2031210035  | Nguyễn Thanh Nhân         | Nam       | 15/02/1990 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 13  | 2030210036  | Hồ Thị Cẩm Nhung          | Nữ        | 20/05/1986 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 14  | 2031210037  | Phan Tấn Pháp             | Nam       | 10/09/1980 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 15  | 2031210038  | Trần ng Hải Phòng         | Nam       | 07/03/1989 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 16  | 2031210039  | Hồ Tăng Phúc              | Nam       | 20/06/1980 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 17  | 2030210040  | Nguyễn Thị Hà Phụng ng    | Nữ        | 30/09/1989 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 18  | 2030210041  | Trần Thị Thanh Phụng ng   | Nữ        | 14/12/1983 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 19  | 2031210042  | Đoàn Đ Xuân Quang         | Nam       | 01/05/1980 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 20  | 2031210043  | Nguyễn Phụng c Nhựt Quang | Nam       | 23/03/1991 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 21  | 2030210045  | Phạm Vũ Khánh Quyên       | Nữ        | 08/03/1984 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 22  | 2031210046  | Nguyễn Đức Sách           | Nam       | 10/02/1982 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 23  | 2031210047  | Lê Thanh Sơn n            | Nam       | 26/03/1973 | K10MBA |        |        |          |     | HP KỶ 2 |
| 24  |             |                           |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 25  |             |                           |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 26  |             |                           |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 27  |             |                           |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 28  |             |                           |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 29  |             |                           |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 30  |             |                           |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 31  |             |                           |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 32  |             |                           |           |            |        |        |        |          |     |         |

Số SV viết ng: \_\_\_\_\_Định chữ: \_\_\_\_\_Tổ ng số bài: \_\_\_\_\_Tổ ng số tờ : \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬPGIÁM THIGIÁM KHẢO 0 1GIÁM KHẢO 0 2LÃNH ĐẠO KHOA



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI KỶ T THỨC HỌC PHẪN \* LỚP: K10MBA

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÔN: TIẾNG ANH 2 (NGHE ĐỌC VIẾT - VĂN ĐÁP) \* MÃ MÔN: ENG602

SỐ TC : 3

Học kỳ : 2

Thời gian : 18h00 ngày 07/07/2015 - Phòng : 902 \* 182 Nguyễn Văn Linh

Số thí sinh : 1

| STT | Mã Học Viên | Họ và Tên         |          | Giới Tính | Ngày Sinh  | Lớp    | Số Thẻ | Ký Tên | Điểm Thi |     | Ghi Chú |
|-----|-------------|-------------------|----------|-----------|------------|--------|--------|--------|----------|-----|---------|
|     |             |                   |          |           |            |        |        |        | Số       | Chữ |         |
| 1   | 2030210048  | Phan Thùy Tuyet   | Số 1 ng  | Nữ        | 05/05/1984 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 2   | 2031210049  | Hồ Ngọc           | Tâm      | Nam       | 08/10/1979 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 3   | 2031210050  | Đông Vĩnh         | Thích    | Nam       | 15/04/1979 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 4   | 2030210051  | Phan Thùy         | Thị ng   | Nữ        | 30/06/1979 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 5   | 2031210052  | Phùng Quyet       | Thị ng   | Nam       | 25/02/1972 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 6   | 2031210053  | Nguyễn Văn        | Thanh    | Nam       | 14/06/1977 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 7   | 2031210054  | Nguyễn Huy        | Thành    | Nam       | 02/03/1969 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 8   | 2030210055  | Huỳnh Thị Bích    | Thị o    | Nữ        | 11/05/1984 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 9   | 2030210056  | Lê Thị Nguyên     | Thị o    | Nữ        | 16/01/1991 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 10  | 2030210057  | Nguyễn Lê Minh    | Thị o    | Nữ        | 01/09/1989 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 11  | 2031210058  | Đào Ngọc Thị      | Thị nh   | Nam       | 28/03/1983 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 12  | 2030210059  | Trần Thị Hoài     | Thị 1 ng | Nữ        | 11/06/1987 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 13  | 2031210060  | Trần Lê           | Toàn     | Nam       | 27/09/1989 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 14  | 2031210061  | Nguyễn Duy        | Trung    | Nam       | 13/11/1988 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 15  | 2031210062  | Phạm Thành        | Trung    | Nam       | 01/03/1982 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 16  | 2031210063  | Trần Quang        | Trung    | Nam       | 01/11/1990 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 17  | 2031210064  | Nguyễn Quang      | Tuấn     | Nam       | 04/06/1991 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 18  | 2031210065  | Phạm Minh         | Tuấn     | Nam       | 22/12/1991 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 19  | 2031210066  | Lê Nguyễn Thanh   | Tùng     | Nam       | 17/06/1987 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 20  | 2030210067  | Nguyễn Thị Kim    | Uyên     | Nữ        | 18/11/1987 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 21  | 2030210068  | Phùng Huỳnh Tuyet | Vân      | Nữ        | 20/08/1990 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 22  | 2031210069  | Lê Châu Quang     | Vĩn      | Nam       | 08/09/1988 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 23  | 2031210070  | Nguyễn Ngọc       | Vũ       | Nam       | 08/12/1988 | K10MBA |        |        |          |     |         |
| 24  |             |                   |          |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 25  |             |                   |          |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 26  |             |                   |          |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 27  |             |                   |          |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 28  |             |                   |          |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 29  |             |                   |          |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 30  |             |                   |          |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 31  |             |                   |          |           |            |        |        |        |          |     |         |
| 32  |             |                   |          |           |            |        |        |        |          |     |         |

Số SV viết ng: \_\_\_\_\_ Định chữ: \_\_\_\_\_ Tổng số bài: \_\_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_\_

NGƯỜI LẬP GIẤM THÍ GIẤM KHẢO 01 GIẤM KHẢO 02 LÃNH ĐẠO KHOA